

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thị Học và bà Trần Thị Bích Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Tam Đảo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Phương, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025.

1. Nguyên đơn: Chị Đại Thị O, sinh năm 1995; nơi thường trú: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú: Nhà số C ngõ F, phố Đ, thị trấn Y, huyện Y (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phùng Quốc H, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Đại Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Quốc Hòa kết H1 với nhau ngày 09/7/2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn chị O về chung sống cùng gia đình anh H tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc được khoảng 02 năm thì vợ chồng chị ra ở riêng, xây nhà cấp 4 trên đất của bố mẹ anh H. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Khoảng đầu tháng 02/2025, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc. Đỉnh điểm mâu thuẫn chị và anh H sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay, chị bỏ

về sống tại nhà bố mẹ đẻ chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phùng Đại Hoài L, sinh ngày 04/3/2014, Phùng Đại Gia K, sinh ngày 23/3/2016 và cháu Phùng Đại Ánh D, sinh ngày 31/10/2018. Hiện nay, các cháu đang ở cùng anh H. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và để anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, cháu Đ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị đang làm tại Công ty A ở khu công nghiệp T, thu nhập hàng tháng khoảng 09-10 triệu đồng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2025 và Biên bản hòa giải, Bị đơn là anh Phùng Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đại Thị O kết hôn với nhau ngày 09/7/2013 và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn anh cùng chị O về chung sống cùng gia đình nhà anh H tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc được khoảng 02 năm thì vợ chồng anh ra ở riêng, xây nhà cấp 4 trên đất của bố mẹ anh cho. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận thương yêu nhau. Khoảng đầu tháng 01/2025 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm. Đỉnh điểm anh H và chị O sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay, chị O sống tại nhà bố mẹ đẻ chị O tại Nhà số C, ngõ F, phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị O làm đơn ly hôn anh biết và anh không đồng ý ly hôn vì anh nhận thấy còn tình cảm với chị O và anh muốn con có cả bố, cả mẹ.

Về con chung: Vợ chồng anh 03 con chung là cháu Phùng Đại Hoài L sinh ngày 04/3/2014; cháu Phùng Đại Gia K, sinh ngày 23/3/2016 và cháu Phùng Đại Ánh D, sinh ngày 31/10/2018. Hiện tại cháu L, cháu K, cháu D đang ở cùng anh. Nếu phải ly hôn anh H đề nghị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, cháu K và để chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang làm công việc tự do, lương bình quân thu nhập hàng tháng được khoảng 10 triệu.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho chị Đại Thị O ly hôn anh Phùng Quốc H. Giao anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, cháu K và giao chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng cháu D và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị Đại Thị O phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đại Thị O khởi kiện xin ly hôn anh Phùng Quốc H và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Anh H đăng ký thường trú và nơi cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đại Thị O và anh Phùng Quốc Hòa kết H1 với nhau ngày 09/7/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn, chị O về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh H. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Quá trình chung sống anh chị đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị O, anh H sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh H không lên tòa án làm việc, thể hiện không quan tâm và bỏ mặc để chị O tự giải quyết. Như vậy, thể hiện anh H cũng không còn quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình và tình trạng mâu thuẫn của anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị O và cho chị O được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị O, anh H có 03 con chung là cháu Phùng Đại Hoài L, sinh ngày 04/3/2014, cháu Phùng Đại Gia K, sinh ngày 23/3/2016 và cháu Phùng Đại Ánh D, sinh ngày 31/10/2018. Hiện tại các cháu đang ở cùng anh H. Ly hôn chị O, anh H cùng đề nghị để chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D; anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, cháu K. Xét thấy anh chị đều có công việc, thu nhập nên cần chấp nhận đề nghị của anh chị về nuôi con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị O chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đại Thị O ly hôn anh Phùng Quốc H.

[2] Về nuôi con chung: Giao chị Đại Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phùng Đại Ánh D, sinh ngày 31/10/2018. Giao anh Phùng Quốc H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Đại Hoài L, sinh ngày 04/3/2014 và cháu Phùng Đại Gia K, sinh ngày 23/3/2016. Chị O, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và cùng có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về án phí: Chị Đại Thị O chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0001119 ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Chị Đại Thị O đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Bò Lý, Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Màu Văn Mùi